

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Bác Ái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định 393/QĐ-UBND, ngày 07/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 586/TTr-PGDĐT ngày 17 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Bác Ái (đính kèm Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, GD.

CHỦ TỊCH



Hồ Xuân Ninh

KẾ HOẠCH**Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý
và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn huyện Bắc Ái**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Ái)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả, công bằng trong giáo dục.

- Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số nhằm mang lại lợi ích cho người học và doanh nghiệp, là thước đo chủ yếu đánh giá sự hài lòng, mức độ thành công của chuyển đổi số của ngành.

- Tăng cường quản lý sự thay đổi nhận thức từ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và người lao động trong ngành đối với việc chuyển đổi số; tích cực huy động mọi nguồn lực của xã hội nhằm thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.

2. Yêu cầu

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nhất thiết phải kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT trên nền tảng công nghệ số; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh cũng như toàn xã hội về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động các nguồn lực từ bên trong và bên ngoài ngành để giúp quá trình triển khai chuyển đổi số đạt được kết quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Tận dụng tiến bộ công nghệ số để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; gia tăng cơ hội tiếp cận giáo dục

cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở những khu vực khó khăn; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

2. Chỉ tiêu

2.1. Giai đoạn 2022 - 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với nhà giáo và người học:

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 45% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Ứng dụng các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 45% học sinh sử dụng;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

- + Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học cơ sở;

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất;

- + 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục và đào tạo huyện được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo huyện được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy, kịp thời.

- + Cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

- + 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

- + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt

tối thiểu 90%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 95%.

2.2. Giai đoạn đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Ứng dụng hoàn toàn một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với cơ sở giáo dục (nhất là người đứng đầu đơn vị), cộng đồng về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

- Quán triệt trong toàn ngành nhằm thay đổi tư duy, nhận thức tích cực trong việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đó là:

+ Thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo điều hành hiện tại, để hướng đến quản lý công việc trên nền tảng công nghệ số.

+ Tạo môi trường thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ giáo dục một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; qua đó, thay đổi cách tiếp nhận các dịch vụ giáo dục truyền thống sang các dịch vụ giáo dục số mà nền tảng là dữ liệu số.

+ Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trên nền tảng dữ liệu số; thúc đẩy đầu tư vào số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) một cách mạnh mẽ.

+ Thay đổi tư duy quản lý theo hướng tiếp cận công nghệ số, đảm bảo đúng quy định pháp luật về Văn thư lưu trữ, hạn chế thấp nhất sử dụng quản lý và lưu trữ truyền thống.

+ Đa dạng các hình thức, giải pháp tiếp cận theo nhu cầu “cần gì học đó”, “học mọi lúc - mọi nơi” của người học, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm mọi công dân đều được học tập suốt đời, hướng đến xây dựng xã hội học tập.

- Huy động sự tham gia của người dân, tổ chức, doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số.

2. Ứng dụng nền tảng số, sinh thái số phục vụ công tác quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục

a) Nền tảng số:

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu giáo dục tập trung;
- Kết nối thanh toán điện tử;
- Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính;
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu giáo dục;
- Liên thông các hệ thống thông tin;
- Triển khai hệ thống chữ ký số trong hồ sơ quản lý giáo dục. Phát triển các nền tảng ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục;
- Hoàn thành cơ sở dữ liệu giáo dục, ứng dụng các công nghệ thông minh để phân tích số liệu về hoạt động giáo dục kịp thời, chính xác, giúp báo cáo, dự báo chính xác để có cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền trong việc xây dựng và hoạch định các chính sách giáo dục phù hợp.

b) Hệ sinh thái số hoá:

- Hoàn thiện và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành, số hóa các dữ liệu chuyên ngành, liên thông, tích hợp với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, huyện nhằm phục vụ công tác quản lý và khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành.

- Triển khai cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ từ cơ sở hướng đến phục vụ người dân, bao gồm:

+ Ứng dụng các nền tảng dạy học trực tuyến trong nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xây dựng nền tảng quản lý và đăng ký nhập học trực tuyến đối với cấp học mầm non; tuyển sinh đối với học sinh nhập học mới ở các lớp 1, 6 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh không phải trực tiếp đến các cơ sở giáo dục, góp phần công khai minh bạch số liệu tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh, đáp ứng mục tiêu và các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định.

+ Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, bao gồm số hóa tất cả các loại hồ sơ được quy định trong Điều lệ trường học ở các cấp học; từng bước loại bỏ các loại hồ sơ giấy không cần thiết gây phiền hà cho người dùng có liên quan đến giáo viên, cán bộ quản lý, học sinh, cha mẹ học sinh. Nghiêm cấm việc tự đặt ra các loại hồ sơ không có trong quy định trong Luật Giáo dục và Điều lệ trường học của các cấp học.

c) Ứng dụng nền tảng “Trường học thông minh - Trường học không tiền mặt”:

- Triển khai “Phần mềm quản lý trực tuyến các nguồn thu” tại 100% trường học trên địa bàn huyện nhằm liên thông dữ liệu với các cơ quan tài chính, hỗ trợ phụ huynh, học sinh thanh toán học phí hoặc các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, không dùng tiền mặt.

- Triển khai xây dựng phần mềm xét và cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời.

- Triển khai xây dựng cổng thông tin Đăng ký nhập học trực tuyến cho cấp học mầm non, tuyển sinh đầu cấp lớp 1, 6; liên thông kết nối với CSDL phổ cập giáo dục-xóa mù chữ quốc gia.

d) Ứng dụng hệ thống thư viện trường học tiên tiến:

- Ứng dụng trung tâm học liệu E-library giúp học sinh mở rộng phạm vi nghiên cứu học tập.

- Số hóa và xây dựng hệ thống dữ liệu liên thư viện tiên tiến, hỗ trợ giáo viên, học sinh chủ động về phương thức tìm kiếm, truy cập từ xa các thông tin, dữ liệu học tập nghiên cứu.

- Phối hợp hoạt động giảng dạy của giáo viên với việc tự học, tự nghiên cứu của học sinh, trao đổi các dữ liệu giảng dạy trong và ngoài nhà trường; giáo viên và các nhà quản lý giáo dục có thể hỗ trợ chia sẻ nguồn tư liệu, tài liệu khoa học, tài liệu giảng dạy qua đó góp phần chuyển đổi số trong hoạt động của thư viện, hình thành hệ thống các thư viện tiên tiến từng bước hiện đại cho các trường phổ thông trên địa bàn huyện

đ) Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy - học trực tuyến:

- Khai thác và ứng dụng triệt để các nền tảng số hỗ trợ dạy học trực tuyến của quốc gia, trong đó ưu tiên ứng dụng các nền tảng số trong nước.

- Số hóa học liệu (hay học liệu điện tử) bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác nhằm hình thành kho học liệu số.

3. Đẩy mạnh thực hiện các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội; cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện nhằm cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử; triển khai ứng dụng hệ thống chữ ký số.

- Số hoá các văn bản, tài liệu của ngành giáo dục thông qua Hệ quản lý văn bản TD Office, E-Office, Office 365.

4. Chỉ đạo triển khai nhiệm vụ quản lý giáo dục và hỗ trợ phục vụ chuyên môn cho từng cấp học

Triển khai các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu trong ngành; hướng dẫn về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

5. Phát triển nguồn nhân lực đủ số lượng, đảm bảo trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm đối với cơ quan quản lý giáo dục

và đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, đồng thời phát triển năng lực ứng phó nhằm đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên giảng dạy tin học, nhân viên phụ trách công nghệ thông tin, phụ trách công tác văn phòng, quản trị mạng tại các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục phải đảm bảo đúng tiêu chí, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua các khóa đào tạo, tập huấn định kỳ và thường xuyên hàng năm.

b) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng:

Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh các hệ thống thông tin của ngành. Các cơ sở giáo dục triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng quy định.

6. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh mục tiêu chuyển đổi số trong ngành Giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên hàng đầu

- Hàng năm cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phân bổ cho ngành Giáo dục để đẩy nhanh mục tiêu chuyển đổi số.

- Tập trung xây dựng và lập kế hoạch chi tiết đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT để phục vụ chuyển đổi số theo lộ trình cho cả giai đoạn để làm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền hàng năm bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc làm cơ sở cho việc huy động các nguồn lực xã hội hóa.

7. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục nhằm chấn chỉnh hoặc xử lý các trường hợp trì trệ, đi ngược quan điểm chỉ đạo, cố tình sai phạm làm ảnh hưởng đến mục tiêu chuyển đổi số

- Các cơ quan chuyên môn huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hàng năm xây dựng kế hoạch tập trung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc xử lý các vi phạm có liên quan đến quy định của pháp luật về chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.

- Đề xuất, kiến nghị các chính sách cần sửa đổi, bổ sung do chưa phù hợp với thực tiễn trong quản lý nhà nước về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra nội bộ; phát huy dân chủ ở cơ sở nhằm phát hiện, chấn chỉnh hoặc xử lý kịp thời không để xảy ra sai phạm, tham nhũng hoặc gây lãng phí có liên quan đến chuyển đổi số.

8. Xây dựng mô hình điểm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục để làm cơ sở khen thưởng, nhân rộng các

tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số

- Mỗi cơ sở giáo dục theo từng cấp học và cơ quan quản lý giáo dục chọn điển hình một hoặc một số trường/cấp học để xây dựng kế hoạch chiến lược tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn lực để thúc đẩy việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành trong giai đoạn đầu.

- Phát động sâu rộng phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, “Giỏi việc trường - đảm việc nhà”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”,... gắn với việc ứng dụng hiệu quả CNTT, chuyển đổi số ngay trong mỗi hành động, mỗi công việc chuyên môn của Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Hàng năm đề xuất biểu dương, khen thưởng các cá nhân tập thể xuất sắc trong phong trào “viết và áp dụng sáng kiến”, “đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng” trong lĩnh vực CNTT và chuyển đổi số trong toàn ngành.

IV. KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Kinh phí phục vụ cho chuyển đổi số của ngành Giáo dục được ngân sách nhà nước cấp trong tổng thể nguồn ngân sách phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; trong đó tập trung hai lĩnh vực:

1. Đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Xây dựng phòng học vi tính (kể cả bàn ghế và hệ thống an toàn phục vụ vận hành cho phòng máy).

- Mua sắm máy vi tính phục vụ giảng dạy - học tập.

Nguồn vốn dự kiến đầu tư cơ sở hạ tầng được ghi tại các văn bản sau:

+ Quyết định số 2314/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 15/12/2021, Ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

+ Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 16/01/2022 của UBND tỉnh về đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

2. Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực

Hàng năm, Phòng Giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên cốt cán của các cơ sở giáo dục để đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận.

Bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ hàng năm trong quá trình ứng dụng CNTT trong chuyển đổi số cho các đối tượng được phân công theo vị trí việc làm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện công tác phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý.

Trong phạm vi phân cấp theo thẩm quyền về quản lý giáo dục theo quy định; Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đồng bộ với kế hoạch chung của ngành. Trong đó, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin, trước hết là xây dựng đủ phòng học cho dạy học môn tin học, chỉ đạo tuyển dụng nguồn nhân lực CNTT đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm như: Giáo viên dạy tin học, nhân viên phụ trách CNTT (Văn phòng) tại các cơ sở giáo dục.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xây dựng kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và thực hiện có hiệu quả.

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, tham mưu UBND huyện tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh và Thường trực Huyện ủy.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chủ động đề xuất gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

